

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

---

**NGUYỄN NGỌC TUẤN**

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP HẠN CHẾ NỢ XẤU  
TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI  
TỈNH KON TUM**

**Chuyên ngành : Quản trị kinh doanh  
Mã số : 60.34.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2011**

Công trình được hoàn thành tại  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN THỊ NHƯ LIÊM**

**Phản biện 1: PGS. TS. NGUYỄN TRƯỜNG SƠN**

**Phản biện 2: TS. NGUYỄN VĂN HÙNG**

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 10 tháng 10 năm 2011.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

NHCSXH là một tổ chức tín dụng đặc thù, là công cụ để thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và các vấn đề an sinh xã hội của các cấp chính quyền. Đối tượng thụ hưởng nguồn vốn tín dụng chính sách của NHCSXH là những hộ nghèo, hộ chính sách sống ở các vùng, miền đặc biệt khó khăn, các xã vùng sâu, vùng xa. Do đó, nợ xấu trong công tác tín dụng NHCSXH dễ xảy ra và luôn đồng hành trong hoạt động tín dụng chính sách. Qua thực tiễn hoạt động của NHCSXH tỉnh Kon Tum những năm qua cho thấy, công tác xử lý nợ xấu chủ yếu mang tính chất hành chính và chưa hiệu quả; chưa nâng cao chất lượng công tác xử lý nợ xấu một cách bài bản, chuyên nghiệp. Để hạn chế nợ xấu ở mức thấp nhất, vai trò của xử lý nợ xấu tín dụng cần được quan tâm hàng đầu trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

Từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài: *“Một số giải pháp hạn chế nợ xấu tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Kon Tum”* để nghiên cứu làm luận văn thạc sĩ - chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

### 2. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về NHCSXH, nợ xấu và quản lý nợ xấu trong hoạt động NHCSXH.
- Nghiên cứu quy trình quản lý nợ xấu trong hoạt động NHCSXH.
- Nghiên cứu thực trạng quản lý nợ xấu tại NHCSXH tỉnh Kon Tum.
- Nghiên cứu và đề xuất các nhóm giải pháp nhằm hạn chế nợ xấu tại NHCSXH tỉnh Kon Tum.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Về mặt lý luận: Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về quản lý nợ xấu, cụ thể là xử lý nợ xấu, nợ quá hạn của loại hình NHCSXH; các biện pháp xử lý nợ xấu của các ngân hàng tương tự ở các nước trên thế giới và những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam, đặc biệt là hệ thống NHCSXH.

- Về mặt thực tiễn: Luận văn sử dụng hệ thống số liệu, tài liệu của NHCSXH tỉnh Kon Tum được thu thập từ những nguồn chính thức trong giai đoạn 2008-2010. Ngoài ra, luận văn cũng tham khảo và sử dụng kết quả của một số nghiên cứu liên quan khác trong và ngoài ngành đã được công bố.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học truyền thống như: phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp quy nạp, v.v... kết hợp với các phương pháp chuyên gia, phương pháp thống kê.

#### **5. Những đóng góp của đề tài**

Luận văn đã có những đóng góp sau:

- Hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về nợ xấu và xử lý nợ xấu trong NHCSXH; nguyên nhân và tác động của nợ xấu, quy trình quản lý nợ xấu trong hoạt động NHCSXH.

- Đã phân tích, đánh giá được nguyên nhân gây ra nợ xấu và thực trạng công tác quản lý nợ xấu tại chi nhánh NHCSXH tỉnh Kon Tum.

- Luận văn đã đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần hạn chế nợ xấu tại chi nhánh NHCSXH tỉnh Kon Tum.

#### **6. Cấu trúc luận văn**

Nhằm đạt được mục đích nghiên cứu, ngoài phần mở đầu, phần kết luận, tài liệu tham khảo, luận văn được cấu trúc thành 3 chương:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nợ xấu, quản lý nợ xấu trong hoạt động NHCSXH.

- Chương 2: Thực trạng quản lý nợ xấu tại NHCSXH tỉnh Kon Tum.

- Chương 3: Giải pháp hạn chế nợ xấu tại NHCSXH tỉnh Kon Tum.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NỢ XẤU VÀ QUẢN LÝ NỢ XẤU TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

## 1.1. Tổng quan về Ngân hàng Chính sách xã hội

### 1.1.1. Khái niệm Ngân hàng Chính sách xã hội

Ngân hàng Chính sách xã hội là một tổ chức tín dụng, là một loại hình ngân hàng chính sách có nhiệm vụ chủ yếu là thực thi tín dụng chính sách của Chính phủ đối với nhóm đối tượng chính sách xã hội.

### 1.1.2. Sự ra đời của Ngân hàng Chính sách xã hội

Ngày 04/10/2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Theo đó, Nghị định cho phép thành lập NHCSXH để thực hiện tín dụng chính sách đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên cơ sở tổ chức lại NHPVNg, tách ra khỏi hệ thống NHNo&PTNT; và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định 131/2001/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội.

### 1.1.3. Một số đặc điểm của Ngân hàng Chính sách xã hội

#### 1.1.3.1. Về mục tiêu hoạt động

NHCSXH hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận mà mục tiêu hoạt động chính là phục vụ cho các chính sách xã hội của Nhà nước trên cơ sở bảo tồn vốn đầu tư.

#### 1.1.3.2. Về đối tượng khách hàng vay

Là các đối tượng được chỉ rõ trong các chính sách của Chính phủ, thường là đối tượng khó đáp ứng các tiêu chí thương mại để tiếp cận được các dịch vụ tài chính của các NHTM, cần sự hỗ trợ từ Chính phủ và cộng đồng.

#### 1.1.3.3. Về nguồn vốn

Nguồn vốn của NHCSXH lại được tạo lập chủ yếu từ ngân sách Nhà nước như: vốn điều lệ và hàng năm được ngân sách Trung ương, địa phương cấp; nguồn vốn ODA dành cho chương trình tín dụng chính sách của Chính phủ, nguồn vốn của Chính phủ vay dân dưới các hình thức phát hành trái phiếu, công trái hoặc từ Quỹ tiết kiệm bưu điện của Chính phủ để chỉ định thực hiện chương trình tín dụng chính sách, nguồn vốn huy động trên thị trường.

#### *1.1.3.4. Về sử dụng vốn*

Có những đặc thù riêng như: Món vay nhỏ, chi phí quản lý cao; Vốn tín dụng mang tính rủi ro cao; Các quy trình vay vốn và thủ tục hồ sơ vay vốn... có những khác biệt so với các quy định của NHTM; Vốn vay được ưu đãi về thủ tục, về các điều kiện vay vốn, về lãi suất cho vay...; Thường áp dụng phương thức giải ngân uỷ thác qua các tổ chức trung gian như: Các tổ chức tín dụng, các tổ chức chính trị - xã hội.

#### ***1.1.4. Vai trò của Ngân hàng chính sách xã hội trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta***

##### *1.1.4.1. Sự tồn tại khách quan của tín dụng chính sách*

Một là, do yêu cầu của chính sách kinh tế, xã hội. Thông qua chức năng quản lý và điều tiết nền kinh tế, xã hội, Nhà nước có các chính sách hợp lý nhằm đảm bảo cho nền kinh tế phát triển cân đối, bảo đảm sự tồn tại cho một số ngành, lĩnh vực rất cần thiết cho xã hội, khắc phục khoảng cách quá xa của sự chênh lệch giàu nghèo.

Hai là, do tính chất nguồn vốn và yêu cầu quay vòng vốn, Nhà nước sử dụng phương thức cho vay có hoàn trả nhằm đảm bảo sử dụng nguồn lực của Ngân sách có hiệu quả.

Ba là, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX của Đảng đã xác định: Xây dựng đất nước ta thành một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; trong đó giải quyết vấn đề giàu nghèo là một trong những nội dung tạo sự công bằng trong xã hội.

##### *1.1.4.2. Vai trò của tín dụng chính sách trong nền kinh tế - xã hội*

Đối với các đối tượng chính sách xã hội thì tín dụng chính sách tạo hiệu quả hơn so với phương thức cấp phát vốn. Do việc chuyển tải vốn được thực hiện theo phương thức cho vay có hoàn trả nên nguồn vốn được người sử dụng vốn tính toán hiệu quả; giúp nhiều người được hưởng lợi; vốn cho vay giúp người vay vốn khắc phục tư tưởng tự ti, ỷ lại, tự nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của mình.

## **1.2. Nợ xấu và quản lý nợ xấu trong hoạt động Ngân hàng Chính sách xã hội**

### ***1.2.1. Nợ xấu***

#### *1.2.1.1. Khái niệm nợ xấu*

Định nghĩa nợ xấu của Việt Nam tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN

ngày 22/4/2005 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau: Nợ xấu là những khoản nợ được phân loại vào các khoản nợ thuộc Nợ nhóm 3, 4 và 5 theo phân loại nợ dưới đây được coi là nợ xấu.

Theo quy định tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì trong hoạt động của NHCSXH, nợ quá hạn được xem là nợ xấu, các khoản nợ khác được xem là nợ thông thường.

#### *1.2.1.2. Phân loại nợ*

- *Nợ nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) bao gồm:* Các khoản nợ trong hạn và đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng thời hạn.

- *Nợ nhóm 2 (Nợ cần chú ý) bao gồm:* Các khoản nợ quá hạn dưới 90 ngày; các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong hạn theo thời hạn nợ đã cơ cấu lại.

- *Nợ nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) bao gồm:* Các khoản nợ quá hạn từ 90 đến 180 ngày; các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn đã cơ cấu lại.

- *Nợ nhóm 4 (nợ nghi ngờ) gồm:* Các khoản nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày; các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn từ 90 ngày đến 180 ngày theo thời hạn đã cơ cấu lại.

- *Nợ nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) gồm:* Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày; các khoản nợ khoanh chờ Chính phủ xử lý; các khoản nợ đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn trên 180 ngày theo thời hạn đã được cơ cấu lại.

### **1.2.2. Nguyên nhân và tác động của nợ xấu**

#### *1.2.2.1. Những nguyên nhân dẫn đến nợ xấu*

a) Nhóm nguyên nhân khách quan có liên quan trực tiếp đến môi trường hoạt động kinh doanh

b) Nhóm nguyên nhân thuộc về năng lực quản trị của ngân hàng

c) Nhóm nguyên nhân thuộc về phía khách hàng

#### *1.2.2.2. Tác động của nợ xấu đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng và nền kinh tế - xã hội*

Nợ xấu sẽ gây tổn thất về tài sản cho ngân hàng; nợ xấu ngày càng gia tăng sẽ làm giảm uy tín của ngân hàng, sự tín nhiệm của khách hàng và có thể

đánh mất thương hiệu của ngân hàng; nợ xấu khiến ngân hàng bị thua lỗ và bị phá sản.

### ***1.2.3. Quy trình quản lý nợ xấu trong hoạt động Ngân hàng Chính sách xã hội***

#### *1.2.3.1. Nhận dạng nợ xấu*

Để nhận dạng nợ xấu cần lập được bảng liệt kê tất cả các dạng nợ xấu đã, đang và sẽ có thể xuất hiện đối với ngân hàng, có thể sử dụng các phương pháp:

- Lập bảng câu hỏi nghiên cứu về nợ xấu và tiến hành điều tra.
- Phân tích các báo cáo tài chính; dựa vào quy trình vay.
- Đẩy mạnh hoạt động thu thập, phân tích và lưu trữ dữ liệu.

#### *1.2.3.2. Đo lường nợ xấu*

Đo lường nợ xấu là điều mà tất cả những nhà quản lý ngân hàng rất quan tâm, vì nếu đo lường được thì việc phòng ngừa trở nên dễ dàng hơn.

- Đo lường hay xác định mức độ thiệt hại do nợ xấu gây ra, phản ánh hậu quả của nợ xấu được xác định khi nợ xấu đã xảy ra.

- Để đánh giá mức độ quan trọng của nợ xấu đối với ngân hàng, theo Basel II có thể dùng phương pháp đánh giá nợ xấu, rủi ro tín dụng dựa trên xếp hạng nội bộ cơ bản (IRB). Phương pháp xếp hạng nội bộ cơ bản (IRB) dựa vào việc đo lường tổn thất có thể ước tính được (Expected Loss - EL) và không thể ước tính được (Unexpected Loss - UL).

#### *1.2.3.3. Kiểm soát nợ xấu*

Trong nghiệp vụ tín dụng, để hạn chế thấp nhất nợ xấu, ngân hàng cần tăng cường kiểm soát những công việc:

- Kiểm soát việc xét duyệt tín dụng.
- Kiểm soát giai đoạn giải ngân và quá trình kế toán.
- Kiểm soát quá trình thu hồi vốn vay.
- Kiểm soát nợ xấu.
- Kiểm soát việc chấp hành các nguyên tắc trong thực hiện nghiệp vụ.

#### *1.2.3.4. Xử lý, khắc phục nợ xấu*

##### a) Xử lý nợ xấu



Khoản cho vay sau khi được đánh giá là có vấn đề (bị giáng hạng xấu) và được chuyển sang bộ phận xử lý để tiến hành việc thu nợ càng nhanh càng tốt, mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng không còn cơ sở nào để tồn tại nữa.

- Hướng xử lý tổ chức khai thác: là dùng các giải pháp khai thác khi khách hàng lâm vào trạng thái nợ có vấn đề do gặp rủi ro và có thái độ thoả đáng với khoản nợ.

- Hướng thanh lý các khoản nợ xấu: các biện pháp thanh lý trở nên tối ưu nếu ngân hàng thấy tổ chức khai thác là không tiện lợi, hiệu quả. Biện pháp này do dùng tới luật pháp gồm: biện pháp phát mại tài sản bảo đảm, biện pháp phá sản doanh nghiệp...

- Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay.

- Phương thức bán khoản cho vay.

b) Khắc phục nợ xấu là việc lập kế hoạch gặp gỡ khách hàng, chuẩn bị gặp gỡ khách hàng, gặp gỡ khách hàng, lập phương án ngăn ngừa hoặc khắc phục, xây dựng phương án thực hiện, kiểm tra việc thực hiện phương án.

#### *1.2.3.5. Phòng ngừa nợ xấu*

Các biện pháp phòng ngừa và làm giảm tổn thất ở mức thấp nhất. Trong tất cả các trường hợp, nếu khoản vay bị xuống hạng, ngân hàng phải xem xét và lựa chọn các biện pháp phòng ngừa.

### **1.3. Kinh nghiệm quản lý nợ xấu ở một số nước và bài học đối với Việt Nam**

#### ***1.3.1. Kinh nghiệm hạn chế nợ xấu của các Ngân hàng CSXH ở một số nước***

##### *1.3.1.1. Ngân hàng Grameen của Bangladesh*

##### *1.3.1.2. Ngân hàng thế giới của phụ nữ có trụ sở đặt tại Cali, Colombia*

##### *1.3.1.3. Hiệp hội phát triển các doanh nghiệp nhỏ, nước cộng hoà Dominica*

#### ***1.3.2. Một số bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam***

- Người nghèo và các đối tượng chính sách khác bị yếu thế trong quan hệ vay vốn ở các ngân hàng thương mại nếu được tổ chức tốt, quản lý chặt chẽ thì không những thực hiện trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng hạn cho ngân hàng mà còn có thể vươn lên thoát nghèo...

- Hoạt động tín dụng phải đảm bảo hiệu quả kinh tế, coi khả năng hoàn trả nợ của khách hàng là vấn đề quan trọng nhất, quyết định tính bền vững của ngân hàng. Tạo mọi điều kiện để người vay tiếp cận nguồn vốn dễ dàng, thủ tục hồ sơ vay vốn đơn giản, thuận tiện.

- Sử dụng vai trò của các tổ chức hội, đoàn thể để xây dựng các Tổ vay vốn, các nhóm tương hỗ tại các thôn, làng, xã để cộng đồng hỗ trợ nhau trong sản xuất kinh doanh trong việc sử dụng vốn vay, gửi tiền tiết kiệm.

**Chương 2****THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NỢ XẤU****TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH KON TUM****2.1. Khái quát về Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Kon Tum*****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển***

Ngày 14/01/2003, Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định số 59/QĐ-HĐQT thành lập Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Kon Tum trên cơ sở tổ chức lại NHPVN<sub>g</sub>, tách ra từ NHNo&PTNT tỉnh Kon Tum. Trong quá trình hoạt động, NHCSXH Kon Tum đã góp phần nhất định trong việc thực thi các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và an sinh xã hội tại địa phương.

Về mạng lưới tổ chức chi nhánh NHCSXH tỉnh Kon Tum đến 31/12/2010 gồm 01 Hội sở tỉnh, 08 Phòng giao dịch huyện và 97 điểm giao dịch xã, phường, thị trấn.

***2.1.2. Bộ máy tổ chức quản lý***

Bộ máy quản lý của chi nhánh NHCSXH tỉnh Kon Tum hiện nay được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, tương đối tinh gọn, tuân thủ đúng nguyên tắc một thủ trưởng, đáp ứng yêu cầu quản lý và thực thi nhiệm vụ của NHCSXH tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình chỉ đạo thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi của Chính phủ và báo cáo phản hồi thông tin từ cấp dưới.

***2.1.3. Cơ cấu nhân sự***

Toàn chi nhánh đã có 93 cán bộ, 80% có trình độ Cao đẳng, Đại học. Cùng với việc chăm lo tập huấn, đào tạo lại, đội ngũ cán bộ của chi nhánh về cơ bản đã có đủ năng lực, phẩm chất đạo đức tốt đã được chi nhánh mạnh dạn bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo các phòng chuyên môn của tỉnh và các Phòng giao dịch huyện.

***2.1.4. Cơ chế tín dụng***

\* *Đối tượng khách hàng*: Chi nhánh NHCSXH tỉnh Kon Tum thực hiện cho vay các đối tượng khách hàng, các dự án phát triển, các đối tượng đầu tư theo chỉ định của Chính phủ.

\* *Phương thức cho vay và giải ngân vốn*: thực hiện theo 2 phương thức là ủy thác từng phần và cho vay trực tiếp.

\* *Lãi suất cho vay*: áp dụng mức lãi suất cho vay ưu đãi; mức lãi suất áp dụng từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

\* *Mức cho vay*: Mức cho vay được quyết định căn cứ vào nhu cầu của đối tượng đầu tư. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị có quy định mức cho vay tối đa đối với từng đối tượng chính sách vay vốn.

### **2.1.5. Các hoạt động cơ bản trong thời gian từ 2008 đến 2010**

#### **2.1.5.1. Tình hình nguồn vốn và sử dụng vốn**

a) Về nguồn vốn: Tổng nguồn vốn đến ngày 31/12/2010 của chi nhánh đạt 751.471 triệu đồng, tăng so với năm 2008 là 255.492 triệu đồng, tốc độ tăng 52% và tăng so với năm 2009 là 99.355 triệu đồng, tốc độ tăng 15%.

b) Về sử dụng vốn: Tổng dư nợ đến ngày 31/12/2010 của chi nhánh đạt 740.897 triệu đồng, với hơn 60 ngàn hộ dư nợ, tăng so với năm 2008 là 240.164 tỷ đồng, tốc độ tăng 48% và tăng so với năm 2009 là 96.378 tỷ đồng, tốc độ tăng 15%.

2.1.5.2. Về tình hình thu nhập qua các năm: Tổng thu nhập qua 3 năm (2008-2010) là 111.916 triệu đồng, trong đó thu lãi là 111.181 triệu đồng, chiếm 99,34% tổng thu nhập.

## **2.2. Thực trạng quản lý nợ xấu tại NHCSXH tỉnh Kon Tum**

### **2.2.1. Tình hình nợ xấu tại chi nhánh**

#### **2.2.1.1. Biểu hiện của nợ xấu**

**Bảng 2.6: Tình hình nợ xấu qua các năm (2008-2010)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>
1	Dư nợ	500,733	644,519	744,310
2	Dư nợ quá hạn chưa chuyển	8,238	9,595	10,414
3	Dư nợ quá hạn	13,579	16,197	20,261
4	Dư nợ khoanh	2,557	3,238	2,495
5	Dư nợ xoá nợ rỗng	269	407	0
6	Tỷ lệ giữa dư nợ quá hạn/Tổng dư nợ (3/1)	2.7	2.5	2.7
7	Tỷ lệ giữa dư nợ xấu/Tổng dư nợ ((2+3+4)/1)	4.87	4.50	4.46
8	Tỷ lệ giữa dư nợ xoá nợ rỗng/Tổng dư nợ (5/1)	0.05	0.06	0.00
9	Tỷ lệ dự phòng tổn thất	0,02%	0,02%	0,02%

*(Nguồn: báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm của NHCSXH Kon Tum)*



8	Cho vay ĐB DTTS ĐBKK	0										
9	Cho vay hộ nghèo về nhà ở	0										
10	Cho vay thương nhân	0										
<b>Tổng số</b>		<b>20,261</b>	<b>9,314</b>	<b>654</b>	<b>5,944</b>	<b>0</b>	<b>2,600</b>	<b>0</b>	<b>140</b>	<b>64</b>	<b>0</b>	<b>1,435</b>

(Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm của NHCSXH Kon Tum)

Qua bảng 2.7 cho thấy, nợ quá hạn do nguyên nhân khách quan (lũ lụt, hạn hán, mất mùa, người vay chết, mất tích...) là 9.314 triệu đồng, chiếm 45,97% nợ quá hạn và khả năng thu hồi thấp; nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan (làm ăn thua lỗ, chiếm dụng vốn, chây ì...) là 8.544 triệu đồng, chiếm 42,26% nợ quá hạn. Trong số nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan thì nguyên nhân do hộ vay kinh doanh thua lỗ là 5.944 triệu đồng, chiếm 69,57% (5.944 triệu đồng/8.544 triệu đồng). Trong thời gian qua, chi nhánh dùng nhiều biện pháp để xử lý thu hồi các khoản nợ quá hạn. Tuy nhiên, công tác xử lý nợ quá hạn chưa hiệu quả. Vì vậy, đòi hỏi Chi nhánh cần phải tăng cường công tác quản lý nợ xấu. Để làm được điều này, cần phải xác định rõ nguyên nhân gây ra sự gia tăng nợ xấu để có những giải pháp hợp lý.

**Bảng 2.8: Phân tích tình hình cho vay có tài sản đảm bảo (2008-2010)**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1	Cho vay có TSĐB	150	0.03	240	0.04	2,073	0.28
2	Cho vay không có TSĐB	500,583	99.97	644,279	99.96	738,824	99.72
<b>Tổng cộng</b>		<b>500,733</b>	<b>100</b>	<b>644,519</b>	<b>100</b>	<b>740,897</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm của NHCSXH Kon Tum)

Dư nợ của NHCSXH chủ yếu thực hiện theo phương thức uỷ thác từng phần qua các tổ chức chính trị - xã hội nên việc cho vay có TSDB tại chi nhánh chiếm tỷ trọng rất thấp trên tổng dư nợ.

#### *2.2.1.2. Nguyên nhân của nợ xấu*

a) Nguyên nhân khách quan: Nguyên nhân khách quan phát sinh bao gồm do bất khả kháng gây ra, nguyên nhân do cơ chế chính sách của Nhà nước.

b) Nguyên nhân chủ quan gồm: Nguyên nhân thuộc về người vay; Nguyên nhân về chất lượng hoạt động của các tổ TK&VV; Nguyên nhân về vai trò quản lý, điều hành của các đơn vị nhận uỷ thác; Nguyên nhân thuộc về Ngân hàng.

### **2.2.2. Thực trạng công tác quản lý nợ xấu tại NHCSXH tỉnh Kon Tum**

#### *2.2.2.1. Công tác nhận dạng nợ xấu*

Chưa thống kê cụ thể và xem xét một cách nghiêm túc tất cả các khoản nợ xấu, các yếu tố dẫn đến nợ xấu của từng nguồn cũng như cơ chế gây ra nợ xấu của chúng. Vì vậy, đã bỏ sót hoặc không có biện pháp kiểm soát thích đáng các yếu tố dẫn đến nợ xấu.

#### *2.2.2.2. Công tác đo lường nợ xấu*

Công cụ đo lường nợ xấu còn chung chung, chưa nhạy bén, từ đó gây khó khăn cho việc kết luận cho vay và tính toán tài trợ. Việc phân loại khách hàng chỉ được đặt ra theo hướng dẫn của ngân hàng cấp trên một cách hình thức, chưa thực hiện được trong thực tế.

#### *2.2.2.3 Hoạt động kiểm soát nợ xấu*

a) Công tác xây dựng chính sách quản lý nợ: chính sách quản lý nợ của chi nhánh thể hiện qua việc giảm trước và giảm sau của khoản cho vay và vẫn tập trung vào chính sách tín dụng và chính sách khách hàng.

b) Quy trình và thủ tục giám sát tín dụng, thu nợ, thu lãi

Nhìn chung, quá trình giám sát tín dụng đều được chi nhánh triển khai thực hiện, tuy nhiên cách thức và biện pháp giám sát chưa được thực hiện một cách toàn diện, việc giám sát chỉ mang tính hình thức, đa phần là chưa có bằng chứng, không có quy định cụ thể về công tác giám sát tín dụng.

c) Công tác kiểm soát nợ xấu

Mặc dù, Chi nhánh đã chú trọng đến công tác kiểm soát nợ xấu nhưng hiệu quả chưa cao. Đây cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác quản lý nợ xấu tại Chi nhánh trong thời gian qua. Chính vì vậy mà Chi nhánh cần phải tìm mọi biện pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của công tác này.

#### *2.2.2.4. Công tác xử lý nợ xấu*

Ban lãnh đạo chi nhánh NHCSXH tỉnh đã tập trung mọi nỗ lực, bằng nhiều giải pháp để hạ thấp tỷ lệ nợ quá hạn xuống mức thấp nhất như: yêu cầu khách hàng thực hiện việc trả nợ, yêu cầu bảo đảm bằng tài sản, dùng công cụ phòng ngừa rủi ro bằng TSĐB... Tuy nhiên, các biện pháp, giải pháp xử lý nợ thời gian qua của Chi nhánh chưa phát huy được tác dụng.

#### *2.2.2.5. Công tác tài trợ xử lý nợ xấu*

Công cụ tài trợ rủi ro chủ yếu của Chi nhánh chủ yếu là sử dụng phương pháp trích lập dự phòng. Mức trích được tính bằng 0,02% trên số dư nợ bình quân năm.

### **2.3. Đánh giá về công tác quản lý nợ xấu tại NHCSXH tỉnh Kon Tum**

#### ***2.3.1. Những thành công***

Hoạt động của Chi nhánh luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện của lãnh đạo Đảng, chính quyền, sự ủng hộ tích cực của các cơ quan, ban ngành các cấp trên địa bàn; mạng lưới hoạt động của Chi nhánh ngày càng được mở rộng; trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ Chi nhánh ngày càng được nâng cao; quy trình tín dụng không ngừng được cải thiện, hợp lý và khá chặt chẽ; chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cho vay, tổ TK&VV ngày một nâng lên; việc ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin vào phục vụ cho công tác quản lý, giám sát toàn bộ hoạt động ngân hàng được nhanh chóng, kịp thời.

#### ***2.3.2. Những hạn chế***

Việc thực hiện các biện pháp xử lý trực tiếp đối với khách hàng chủ yếu mang tính chất hành chính nên chưa hiệu quả, chưa nâng cao chất lượng công tác xử lý nợ, chưa xử lý nợ một cách bài bản, chuyên nghiệp, do đó khả năng thu hồi nợ xấu là không cao; việc tham gia vào thị trường tiền tệ còn hạn chế, chưa tham gia vào thị trường tiền tệ liên ngân hàng...; chưa có các biện pháp xử lý nợ qua thị trường; công tác quản lý nợ xấu chưa được chú trọng đúng mức;



công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của NHCSXH chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt là yêu cầu về tính phát hiện, cảnh báo, phòng ngừa từ xa; hệ thống công nghệ thông tin chưa được đầu tư đúng mức, hệ thống thông tin báo cáo chưa phù hợp với đặc thù của NHCSXH.

### **2.3.3. Nguyên nhân hạn chế**

*2.3.3.1. Từ phía môi trường hoạt động:* Hoạt động của NHCSXH mang tính đặc thù, không hoạt động theo cơ chế thị trường; Tại một số địa phương chưa nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; sự phối hợp của các ngành liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác thiếu chặt chẽ, đồng bộ...

#### *2.3.3.2. Từ phía ngân hàng:*

Đôi khi chưa thực sự quan tâm và chỉ đạo sát sao công tác xử lý nợ xấu, thiếu biện pháp xử lý kiên quyết, linh hoạt và chưa tranh thủ được sự ủng hộ của chính quyền, các cơ quan bảo vệ pháp luật ở địa phương; việc chấp hành chế độ và quy trình nghiệp vụ của một số ngân hàng cơ sở, của một số cán bộ làm công tác tín dụng không tuân thủ đúng với quy định của ngành; công tác giám sát chưa chặt chẽ...

#### *2.3.3.3. Từ phía khách hàng:*

Hộ vay, đặc biệt là hộ nghèo ở các khu vực khó khăn thiếu kiến thức về sản xuất kinh doanh; nhiều khách hàng lợi dụng kẽ hở của pháp luật để lừa đảo, sử dụng vốn sai mục đích, không có ý định trả nợ hoặc cố tình chây ì, dây dưa trong việc trả nợ.

**Chương 3****GIẢI PHÁP HẠN CHẾ NỢ XẤU****TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH KON TUM****3.1 Mục tiêu, định hướng quản lý tín dụng và nợ xấu tại chi nhánh NHCSXH tỉnh Kon Tum*****3.1.1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kon Tum đến năm 2015******3.1.2. Nghiên cứu nhu cầu và khả năng tín dụng của các đối tượng chính sách tại Kon Tum thời gian tới******3.1.2.1. Mục tiêu cho giai đoạn 2011-2015***

Trong giai đoạn tiếp theo 2011-2015, bảo đảm 100% vốn tín dụng chính sách của Chính phủ đến được với hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác; phấn đấu đạt mức tăng trưởng dư nợ chung cho các chương trình trong giai đoạn 2011-2015 bình quân khoảng 15%; tiếp tục bổ sung và hoàn chỉnh chính sách, cơ chế quản lý... tiếp tục hoàn thiện nâng cao chất lượng mô hình quản lý đã xác định, củng cố và hoàn thiện phương thức uỷ thác từng phần cho các Tổ chức chính trị - xã hội, Tổ TK&VV, Tổ giao dịch lưu động và điểm giao dịch tại xã.

***3.1.2.2. Dự kiến nhu cầu tín dụng giai đoạn 2011-2015***

- Dự kiến nguồn vốn giai đoạn 2011-2015 là: 1.511.477 triệu đồng (bình quân tăng trưởng trong giai đoạn là 15%/năm)

- Dự kiến tăng trưởng tín dụng giai đoạn 2011-2015 các chương trình tín dụng là: 1.497.073 triệu đồng (bình quân tăng trưởng trong giai đoạn là 15%/năm).

***3.1.3. Định hướng của chi nhánh NHCSXH tỉnh Kon Tum về quản lý nợ xấu cho thời gian đến***

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cơ chế cho vay, thu nợ, thu lãi và xử lý nợ xấu của NHCSXH; Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát nhất là hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ; Xác định tăng trưởng tín dụng phải đi đôi với việc duy trì và nâng cao chất lượng tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn một cách hợp lý, đảm bảo khả năng hoàn trả vốn của khách hàng; Kiện toàn, củng cố và nâng cao chất lượng tín dụng hiện có; thu hồi nợ đã xử lý rủi ro đang hạch toán ngoại bảng; giảm thấp tỷ lệ nợ xấu...; Công khai dư nợ, danh sách hộ vay... tại các

điểm giao dịch xã, phường; Nâng cao trách nhiệm quản lý của chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã, hội đoàn thể các cấp, hoạt động của tổ TK&VV; Làm tốt công tác xử lý nợ đến hạn, nợ quá hạn, không để nợ quá hạn mới phát sinh. Phần đầu giữ tỷ lệ nợ quá hạn ở mức dưới 1%...

### **3.2. Một số giải pháp hạn chế nợ xấu tại chi nhánh NHCSXH tỉnh Kon Tum**

#### **3.2.1. Nhóm giải pháp về công tác kiểm soát nợ xấu**

##### *3.2.1.1. Nhận dạng nợ xấu*

a) Thực hiện kiểm tra đối chiếu trực tiếp nợ vay hoặc phối hợp với Hội đoàn thể các cấp đặc biệt là cấp xã kiểm tra, đối chiếu nợ vay.

b) Tiến hành kiểm kê nợ thông qua việc đối sổ vay vốn và phát hành biên lai thu lãi tiền vay cho khách hàng.

c) Thường xuyên kiểm tra lại sao kê nợ, bảng kê nợ lãi đối với tất cả các tổ TK&VV, kiểm tra danh sách nợ đến hạn, nợ quá hạn, những tổ TK&VV có nợ lãi nhiều... tổ chức thăm viếng, gặp gỡ khách hàng, xây dựng phương án ngăn ngừa hợp lý.

##### *3.2.1.2. Xác định mức độ, nguyên nhân gây ra nợ xấu*

Khi phát hiện thấy các dấu hiệu phát sinh nợ xấu. Ngân hàng tiến hành ngay các bước xác định mức độ nghiêm trọng của nó và nguyên nhân gây ra nợ xấu, đồng thời phải phân loại ngay chất lượng khoản vay.

Xác định nguyên nhân như: nguyên nhân do khách hàng không chịu hợp tác, nguyên nhân do suy thoái kinh tế hoặc rủi ro do thị trường, nguyên nhân do trình độ, năng lực quản lý yếu kém, thiếu trách nhiệm, mất phẩm chất của cán bộ ngân hàng.

##### *3.2.1.3. Giải pháp về đo lường nợ xấu*

Để đo lường nợ xấu của ngân hàng cần sử dụng bốn chỉ số sau:

- Tỷ số giữa giá trị các khoản nợ quá hạn so với tổng dư nợ cho vay
- Tỷ số giữa các khoản xoá nợ rỗng so với tổng dư nợ cho vay
- Tỷ số giữa phân bổ dự phòng tổn thất tín dụng hàng năm so với tổng dư nợ cho vay
- Tỷ số giữa dự phòng tổn thất tín dụng so với tổng dư nợ cho vay

##### *3.2.1.4. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, đánh giá khách hàng*

Nâng cao năng lực quản lý nợ xấu cho đội ngũ cán bộ trong Chi nhánh. Nắm vững các quy định của Nhà nước và của NHCSXH liên quan đến việc cho vay vốn và tổ chức thu thập thông tin, lưu trữ thông tin phục vụ cho việc kiểm tra, thẩm định; Chi nhánh cần quan tâm hơn nữa các nội dung của công tác thẩm định.

#### *3.2.1.5. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát tín dụng*

Để tăng cường quản lý nợ xấu tại Chi nhánh, Chi nhánh cần thường xuyên xem xét khoản vay, kiểm tra lại điều kiện cho vay, đánh giá tình trạng sản xuất, kinh doanh của khách hàng.

Đối với công tác kiểm tra nội bộ: Chi nhánh cần có sự làm rõ trách nhiệm của bộ phận kiểm soát trong Chi nhánh.

Đối với công tác giám sát việc sử dụng vốn vay: Phải tổ chức theo dõi chặt chẽ việc sử dụng vốn vay của khách hàng.

Ngoài ra, việc báo cáo kịp thời, theo đúng yêu cầu về nợ xấu cũng là công cụ hỗ trợ đắc lực cho công tác kiểm soát nợ xấu.

#### *3.2.1.6. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của Ban đại diện HĐQT các cấp, nhất là cấp huyện.*

Cần phân công trách nhiệm cụ thể của các thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp trong việc thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện tín dụng ưu đãi tại các địa phương. Hàng năm, Ban đại diện Hội đồng quản trị nên tiến hành kiểm tra tình hình hoạt động tại cấp xã nên ít nhất từ 2-3 lần/năm.

#### **3.2.2. Nhóm giải pháp về công tác quản lý và xử lý nợ xấu**

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá khả năng thu hồi nợ của các khoản vay khi đến hạn, quá hạn; Ban hành quy định về xử lý nợ bị rủi ro do chủ quan của người vay; Tuân thủ chặt chẽ, nghiêm chỉnh chính sách, quy trình nghiệp vụ tín dụng; Tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Ngân hàng; Nâng cao chất lượng việc bình xét, phê duyệt đối tượng đủ điều kiện vay vốn; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đào tạo nghiệp vụ; Tăng cường đầu tư Công nghệ Thông tin hiện đại.

Các biện pháp cơ bản xử lý nợ xấu, bao gồm:

##### *3.2.2.1. Quy trách nhiệm đòi nợ đối với nhân viên ngân hàng*

Đối với những khoản nợ có nguyên nhân chủ quan từ nhân viên tín dụng, ngân hàng kiên quyết sử dụng biện pháp quy trách nhiệm đòi nợ cho người đó. Trong trường hợp không thể đòi nợ, người làm sai sẽ phải bồi thường cho ngân hàng và còn nhận thêm các hình thức kỷ luật khác.

#### *3.2.2.2. Đẩy mạnh công tác thu hồi nợ trực tiếp*

Trên cơ sở kết quả phân tích và phân loại nợ xấu, ngân hàng cần tiến hành các biện pháp thích hợp đôn đốc khách hàng huy động các nguồn vốn hợp pháp để trả nợ vay ngân hàng trong thời gian sớm nhất.

Ngay sau khi phát hiện các dấu hiệu phát sinh nợ xấu, ngân hàng lập tức đưa vào danh sách các khoản nợ cần chú ý và theo dõi tình hình tài chính của khách hàng để thu hồi nợ. Ngân hàng cũng cần chú trọng tư vấn cho khách hàng nhằm tháo gỡ khó khăn trong kinh doanh.

Đối với các khoản nợ xấu đã phát sinh, trường hợp ngân hàng đánh giá khách hàng có khả năng trả nợ tạm thời khó khăn về tài chính thì ngân hàng tiếp tục hỗ trợ cho khách hàng vay vốn trên cơ sở thẩm định các phương án có hiệu quả.

Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả của hoạt động thu hồi nợ trực tiếp, điều quan trọng là NHCSXH Kon Tum cần phải xây dựng một cơ chế thưởng hấp dẫn trong việc thu hồi nợ xấu với tất cả đối tượng giúp thu hồi nợ cho ngân hàng bao gồm cả nhân viên ngân hàng cũng như các cá nhân, tổ chức khác có tham gia.

Cần mở rộng quan hệ đối với các cơ quan ban ngành nhằm tranh thủ sự ủng hộ để thu hồi nhanh các khoản nợ xấu.

#### *3.2.2.3. Bán tài sản đảm bảo, đòi nợ người bảo lãnh*

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về TSĐB tiền vay.
- Làm tốt khâu thi hành án và các bản án.
- Tăng cường sự phối hợp của các cơ quan chức năng tại địa phương.
- Cần phải đưa ra các biện pháp quản lý, khai thác, xử lý TSĐB của ngân hàng một cách hữu hiệu.
- Cần thu nhập, xác minh thông tin về các tài sản khác của khách hàng.

#### *3.2.2.4. Bán các khoản nợ*

Biện pháp này được ngân hàng sử dụng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo hoặc không muốn mất thời gian đòi nợ. Ngân hàng sẽ chuyển quyền đòi nợ cho một tổ chức tín dụng hoặc cá nhân khác để sớm thu hồi vốn của mình như: Chứng khoán hóa, Bán nợ, Trái phiếu ràng buộc (Credit-lined Notes: CLN), Mua bảo hiểm tín dụng cho khoản vay.

#### 3.2.2.5. *Bù đắp bằng quỹ dự phòng rủi ro*

Khi các biện pháp thu hồi khác không có hiệu quả, ngân hàng có thể dùng quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp thiệt hại của khoản nợ tồn đọng.

#### 3.2.2.6. *Sử dụng biện pháp pháp lý để xử lý*

NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện phải tham mưu cho UBND cùng cấp thành lập Ban chỉ đạo thu hồi nợ xấu trên địa bàn, thành phần tham gia gồm: Lãnh đạo UBND làm Trưởng ban, các thành viên là lãnh đạo các ngành Công an, Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành án dân sự, Tài nguyên Môi trường, các Tổ chức chính trị - xã hội; và thành lập bộ phận thu nợ xấu tại Hội sở tỉnh và phòng giao dịch cấp huyện.

Xử lý nợ xấu phải trên cơ sở: các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các thông tư, chỉ thị, thể lệ tín dụng do NHNN quy định và các văn bản hướng dẫn cụ thể của NHCSXH Việt Nam. Quy trình xử lý nợ xấu gồm các bước:

- Tìm và xác định định nguyên nhân.
- Đánh giá tổn thất và qui trách nhiệm.
- Xác định trọng điểm xử lý.
- Lập phương án báo cáo với cấp trên.
- Giám sát xử lý là việc theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các bước xử lý.

- Xử lý thu hồi nợ xấu.
- Áp dụng kịp thời và linh hoạt các giải pháp xử lý nợ xấu có hiệu quả.

#### 3.2.2.7. *Sự trợ giúp của Chính phủ*

Đối với các khoản nợ xấu do các khoản vay theo chính sách của Chính phủ, các ngân hàng phải trông chờ vào nguồn bù đắp từ ngân sách nhà nước. Do vậy, khi ngân hàng không thể thu hồi nợ được từ khách hàng thuộc đối tượng này thì Chính phủ phải đứng ra giải quyết cho ngân hàng.

### **3.2.3. Nhóm giải pháp về phòng ngừa nợ xấu**

#### **3.2.3.1. Thực hiện nghiêm túc quy trình tín dụng**

Để tăng cường quản lý nợ xấu thì cần hoàn thiện quy trình tín dụng hiện nay của Chi nhánh. Chi nhánh cần tách bạch chức năng của các bộ phận trong khi cho vay.

Để giảm bớt tình trạng quá tải của cán bộ tín dụng hiện nay tại Chi nhánh, nên chăng tách quá trình cho vay thành 4 bộ phận: Bộ phận tiếp nhận và giải quyết hồ sơ; bộ phận kiểm tra, thẩm định; bộ phận quyết định cho vay và bộ phận kiểm tra, giám sát vốn vay.

#### **3.2.3.2. Về cơ chế lãi suất cho vay**

Tiếp tục thực hiện cơ chế ưu đãi về lãi suất. Mức độ ưu đãi lãi suất phù hợp với khả năng tài chính của Nhà nước, của đối tượng vay vốn trong từng thời kỳ theo hướng giảm dần và được thay thế bằng các cơ chế ưu đãi khác. Áp dụng một mức lãi suất thống nhất cho một loại đối tượng khách hàng khi có nhu cầu vay vốn các chương trình tín dụng ưu đãi khác nhau.

#### **3.2.3.3. Về vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương, các đơn vị nhận uỷ thác**

##### **a) Vai trò của chính quyền địa phương các cấp:**

Huy động nguồn lực và chỉ đạo thực hiện các chương trình tín dụng chính sách ở địa phương; Hàng năm, trích một phần từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp mình để chuyển cho NHCSXH bổ sung nguồn vốn cho vay; Tổ chức điều tra đối tượng thụ hưởng và quản lý chặt chẽ danh sách hộ nghèo, các hộ được thụ hưởng chính sách tín dụng ưu đãi trong từng thôn, bản, xã, huyện, tỉnh; Chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội và xoá đói giảm nghèo trên địa bàn; Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý thực hiện các chương trình xoá đói giảm nghèo và hoạt động của NHCSXH...

##### **b) Vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội:**

- Làm tốt công tác tuyên truyền và tham gia thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Nâng cao vai trò quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của các Tổ TK&VV.

- Chủ động đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm dịch vụ ủy thác, Ban quản lý Tổ TK&VV.

*3.2.3.4. Về củng cố nâng cao chất lượng dịch vụ ủy thác của các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ TK&VV*

Tổ chức đào tạo thường xuyên, liên tục đối với cán bộ hội, Ban quản lý Tổ TK&VV; nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý hoạt động ủy thác; tiếp tục củng cố tổ chức Tổ TK&VV.

***3.2.4. Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng hoạt động của Ngân hàng***

*3.2.4.1. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo*

Đối với cán bộ điều hành và những cán bộ thuộc diện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cần phải được bồi dưỡng kiến thức mới về quản trị nợ xấu, rủi ro tín dụng, về cơ chế chính sách và pháp luật mới ban hành...

*3.2.4.2. Nâng cao hiệu quả làm việc của nhân viên*

Phải thực hiện giao khoán khối lượng công việc trên mỗi nhân viên tín dụng. Cùng với việc giao khoán phải động viên, giúp đỡ để cán bộ tín dụng hoàn thành nhiệm vụ được giao; tăng cường giáo dục nhận thức, trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên, ngân hàng cần quan tâm giáo dục đạo đức nghề nghiệp, nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần tự giác đối với cán bộ trực tiếp cho vay; xây dựng cơ chế tiền lương phù hợp với hiệu quả công việc, bảo đảm cho cán bộ yên tâm công tác.

*3.2.4.3. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin ngân hàng*

Với trung tâm giám sát thông tin tín dụng CIC của NHNN, Chi nhánh cần chỉ đạo các phòng giao dịch trực thuộc thường xuyên tìm hiểu thông tin của khách hàng là các doanh nghiệp trước khi cho vay; để công tác kiểm tra, kiểm soát có chất lượng, cần phải nhanh chóng ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động KTNB

### **3.3. KIẾN NGHỊ**

***3.3.1. Kiến nghị với Nhà nước và các cơ quan hữu quan***

*3.3.1.1. Kiến nghị với Chính phủ*

- Hạ thấp điều kiện xóa nợ: Những hộ vay bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh... bị thiệt hại trên 100% vốn và tài sản, những hộ vay do trình độ thấp, tàn



tật không biết làm ăn dẫn đến thua lỗ, mất vốn không còn khả năng để trả nợ thì xem xét bổ sung cho xóa nợ.

- Bổ sung biện pháp Miễn lãi tiền vay và Giảm lãi tiền vay vào quy định về xử lý nợ bị rủi ro.

- Bổ sung đối tượng cho vay là hộ cận nghèo, hộ khó khăn vào Nghị định 78 cho phù hợp với thực tế cuộc sống.

#### *3.3.1.2. Với các Bộ, Ngành, Đoàn thể...*

- Đề nghị Ngân hàng Nhà nước triển khai xây dựng hệ thống khai thác dữ liệu thông tin, nên có giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng ngân hàng đặc biệt là trung tâm thông tin tín dụng (CIC) NHNN.

- Các đoàn thể cần lồng ghép các chương trình chuyển giao công nghệ, các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư...

- Đối với các cơ quan như Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành án, Công an, Chính quyền địa phương... cần phối hợp và hỗ trợ NHCSXH trong việc xử lý, giải quyết các khoản nợ xấu.

#### ***3.3.2. Kiến nghị với NHCSXH Việt Nam***

Đề nghị Tổng giám đốc ủy quyền cho Giám đốc chi nhánh cấp tỉnh quyết định việc gia hạn nợ đối với khách hàng.

## KẾT LUẬN

Để các nguồn vốn tín dụng chính sách ưu đãi từ NHCSXH được phát huy có hiệu quả, đồng thời bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Nhà nước là việc làm hết sức cần thiết của các cấp, các ngành. Do đó, việc đưa ra các biện pháp nhằm ngăn ngừa, hạn chế nợ xấu tại chi nhánh NHCSXH tỉnh Kon Tum là điều cần phải ưu tiên hàng đầu.

Trên cơ sở vận dụng những phương pháp nghiên cứu kết hợp với hoạt động thực tế của chi nhánh NHCSXH tỉnh Kon Tum, luận văn đã hoàn thành được các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tìm hiểu lý thuyết về nợ xấu và quản lý nợ xấu.
- Vận dụng lý thuyết quản lý nợ xấu để đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng quản lý và xử lý nợ xấu tại chi nhánh NHCSXH tỉnh Kon Tum để tìm ra những mặt còn tồn tại, hạn chế.
- Trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn đó, Luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế nợ xấu tại chi nhánh NHCSXH tỉnh Kon Tum.
- Luận văn cũng đã đưa ra một số kiến nghị đối với Chính phủ, các Bộ, Ngành, Đoàn thể và NHCSXH Việt Nam.

Để có được kết quả nghiên cứu này, tác giả đã tập trung nghiên cứu trong một thời gian khá dài, sử dụng tốt các nguồn tư liệu hiện có. Tuy nhiên, sẽ không tránh khỏi những thiếu sót nhất định, tác giả kính mong quý thầy cô và người đọc đóng góp ý kiến để luận văn được hoàn thiện hơn./.